TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13-ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71**/2026/DS-ST
Ngày: 21/8/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Trọng Lam

2. Ông Trần Kim Phê

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Diễm Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13- Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hà Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13-Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2026/TLST-DS ngày 03/6/2026 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2026/QĐXXST-DS ngày 24/7/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Ung Văn P, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn P, xã P, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951; địa chỉ: thôn P, xã P, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người làm chứng : Bà Ung Thị Đ, sinh năm 1988, địa chỉ: thôn P, xã P, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết nguyên đơn Ung Văn P trình bày:*

Do quen biết nên ông P có cho bà Nguyễn Thị T mượn tổng số tiền 10.000.0000đ (Mười triệu đồng), cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 23/5/2020, bà T mượn số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Khi mượn hai bên hẹn thời hạn trả là ngày 13/6/2020, không thỏa thuận lãi suất. Giấy nợ do ông P viết và cùng bà T ký tên.

Lần 2: Vào ngày 05/6/2020, bà T mượn tiếp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Khi mượn hai bên không hẹn thời hạn trả chỉ nói miệng là cùng ngày trả với lần 1 (ngày 13/6/2020), không thỏa thuận lãi suất. Giấy nợ do bà Ung Thị Đ (con gái bà T) viết và bà T ký tên.

Đến hạn trả nợ, ông nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T không chịu trả. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền vay gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng), không yêu cầu trả lãi. Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

** Người làm chứng bà Ung Thị Đ trình bày:* Bà là con gái của bà Nguyễn Thị T, hiện nay bà T bị tai biến, hạn chế đi lại nên không đến Tòa được. Giấy nợ ngày 05/6/2020 là do bà viết hộ cho bà Nguyễn Thị T mượn tiền ông P, số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), sau đó bà T ký tên. Nên bà chỉ biết là bà T có mượn ông P số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Còn khoản nợ ngày 13/5/2020 thì bà không rõ. Nhưng bà nghe bà T nói là đã trả xong 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho ông P. Còn việc trả như thế nào thì bà không biết.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều đúng quy định pháp luật; nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: Căn cú Điều 463, 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ cho nuyên đơn với tổng số tiền cả hai lần vay là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản; bị đơn có hộ khẩu tại xã P 1 nên thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của TAND khu vực 13-Đắk Lắk theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của BLTTDS.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Nguyễn Thị T và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo giấy mượn tiền gốc đề ngày 13/5/2020 và ngày 05/6/2020 do nguyên đơn cung cấp, bà Ung Thị Đ (con gái bà Nguyễn Thị T) thừa nhận chữ viết, chữ ký "Nguyễn Thị T" là của bà T, do đó đủ căn cứ khẳng định: Bị đơn Nguyễn Thị T có vay của nguyên đơn Ung Văn P số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) đến nay chưa trả. Bà Đ trình bày bà T đã trả hết nợ cho ông P nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ung Văn P.

Buộc bị đơn Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn Ung Văn P số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Bị đơn Nguyễn Thị T phải chịu 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho nguyên đơn Ung Văn P 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006229 ngày 02/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 13 Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS 13 Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mộng Tuyền